TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ CÚ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 151/2018/QĐST-HNGĐ	*Trà Cú, ngày 17 tháng 5 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NH THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 227/2018/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 5 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn: Anh **Lâm Văn H,** sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Chị **Tăng Thị Bé B**, sinh năm 1991. Địa chỉ: ấp G, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 5 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 5 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nH sự thuận tình ly hôn giữa: Anh **Lâm Văn H** và chị **Tăng Thị Bé B**.

2. Công nH sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Anh Lâm Văn H và chị Tăng Thị Bé B thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh H và chị B thỏa thuận giao con chung là cháu Lâm Nhất H1, sinh ngày 06/4/2014 cho chị B nuôi dưỡng. Anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu tình từ ngày 09/6/2018.

- Anh H không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với chị B. Vì lợi ích của con, đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng sau khi ly hôn.

- Tài sản chung và nợ chung: Các đương sự thống nhất không có.

- Anh H và chị B được miễn toàn bộ án phí sơ thẩm do thuộc diện người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Duyên